

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ - ST

Ngày 30/3/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Công Thắng

2. Ông Dương Trung Lợi

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Diệp Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2022/TLST - HNGĐ, ngày 30/11/2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX ST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lò Chí C**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Lò Chí C kết hôn và có đăng ký vào ngày 22/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Sau kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng sống chung sống hoà thuận được 9 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C rượu chè, cờ bạc, không chịu làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện tại chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Lò Chí C. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lò Kim T, sinh ngày 13/10/2013 và Lò Bảo N sinh ngày 14/10/2020 (đã chết). Sau ly

hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung Lò Kim T, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lò Chí C không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 30/01/2023, bà Hoàng Thị Q là mẹ đẻ anh Lò Chí C cho biết: Chị T và anh C kết hôn có đăng ký tại UBND xã M, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn B, xã Đ được khoảng 10 ngày thì chuyển về sinh sống cùng nhau tại thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái, quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, chị T cho rằng nguyên nhân là do anh C đi làm ăn xa nhưng không mang được tiền về, do đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2022 thì anh C bỏ về ở với bà Quế ở Thôn B, xã Đ, huyện V và đi làm ăn xa thi thoảng có về thăm nhà. Tết âm lịch 2023 anh C về nhà, anh C biết việc chị T đang yêu cầu ly hôn tại Tòa án, có nói lại là đồng ý ly hôn với chị T nhưng bận công việc nên không về được, để chị T tự mình giải quyết. Anh chị có 02 con chung là Lò Bảo N (đã chết) và Lò Kim T, sinh năm 2013, hiện nay cháu Thành đang ở cùng chị T.

Tại biên bản xác minh ngày 30/01/2023, phó trưởng thôn B, xã Đ cho biết: Chị T và anh C kết hôn có đăng ký tại huyện T. Sau khi kết hôn anh chị có chung sống tại Thôn B, xã Đ được một thời gian thì chuyển về sinh sống cùng nhau tại thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Đến năm 2022 tôi thấy anh C bỏ về nhà mẹ đẻ và không thấy chị T về. Theo tôi được biết anh chị này có mâu thuẫn nhưng tôi không rõ mâu thuẫn như thế nào. Anh C và chị T có 02 con chung là Lò Kim T, sinh năm 2013 và Lò Bảo N sinh năm 2020 (đã chết), hiện cháu Thành đang ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 30/01/2023, Phó Trưởng Công an xã Đ cho biết: Anh Lò Chí C và chị Bùi Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Đ. Hiện nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái sinh sống còn anh C vẫn sinh sống ở Thôn B, xã Đ. Hiện anh C đi làm ăn thi thoảng về nhà vài ngày rồi lại đi luôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T; Xử cho chị T được ly hôn anh Lò Chí C; về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Kim T, anh Lò Chí C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lò Chí C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Lò Chí C vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Bùi Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Lò Chí C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lò Chí C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 22/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Lò Chí C được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh C rượu chè, cờ bạc, không chịu làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021. Tại biên bản xác minh với mẹ đẻ anh Lò Chí C và chính quyền địa phương xác định trong quá trình sống chung chị T và anh C có mâu thuẫn nguyên nhân do anh C đi làm không mang được tiền về cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ năm 2022 anh C về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hiện nay anh chị không chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lò Kim T, sinh ngày 13/10/2013 và Lò Bảo N sinh ngày 14/10/2020 (đã chết). Sau ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung Lò Kim T, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lò Kim T hiện đang sinh sống cùng chị T và cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và con chưa thành niên trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con khi ly hôn thì việc giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lò Kim T, anh Lò Chí C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp theo quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng;

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lò Chí C.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lò Kim T, sinh ngày 13/10/2013, anh Lò Chí C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0002742 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện T,
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hoa Quỳnh